

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Dự án: Hồ chứa nước Suối Lớn – Suối Chiếp, huyện Vân Canh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc Sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về Quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án Hồ chứa nước Suối Lớn – Suối Chiếp, huyện Vân Canh;

Theo Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hồ chứa nước Suối Lớn – Suối Chiếp, huyện Vân Canh tại xã Vân Canh của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 713/TTr-SNNMT ngày 18/12/2025 và Văn bản số 6002/SNNMT-TL ngày 04/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, dự án Hồ chứa nước Suối Lớn – Suối Chiếp, huyện Vân Canh, với các nội dung chủ yếu như sau:

- 1. Tên dự án:** Hồ chứa nước Suối Lớn – Suối Chiếp, huyện Vân Canh.
- 2. Mã số thông tin công trình:** 8140074 (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng).
- 3. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.
- 4. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.
- 5. Địa điểm xây dựng:** xã Vân Canh, tỉnh Gia Lai.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Thiết kế Hồ chứa nước Suối Lớn – Suối Chiếp (Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi 3, Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Việt Long và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và Công nghệ số Thế Gia).

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính

- Nhóm dự án: nhóm B.
- Loại công trình: công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Cấp công trình: công trình đầu mối hồ chứa nước Suối Lớn cấp III, hồ chứa nước Suối Chiếp cấp II; hệ thống tưới cấp IV; nhà quản lý hồ chứa nước Suối Lớn cấp IV, hồ chứa nước Suối Chiếp cấp III; hệ thống điện, đường giao thông cấp IV.
- Thời hạn sử dụng công trình chính: thực hiện theo quy định hiện hành.

8. Mục tiêu dự án

Tạo nguồn, cấp nước sinh hoạt, phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp trong vùng hưởng lợi dọc lưu vực sông Hà Thanh; góp phần nâng cao đời sống của người dân, xóa đói giảm nghèo, đặc biệt là người dân tộc thiểu số vùng cao; thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, cải tạo môi trường sinh thái, giữ vững an ninh quốc phòng. Góp phần cắt giảm lũ trên hệ thống sông Hà Thanh, giảm ngập lụt cho vùng hạ du.

9. Quy mô đầu tư xây dựng

- Xây dựng hồ chứa nước Suối Lớn có dung tích 0,46 triệu m³ nước, bao gồm: Đập ngăn sông; tràn xả lũ; cống lấy nước vào kênh tưới; cống lấy nước vào kênh chuyển nước; cống xả cát; kênh chuyển nước từ hồ Suối Lớn qua hồ Suối Chiếp; hệ thống kênh tưới; hệ thống điện thi công, vận hành và chiếu sáng; hệ thống quan trắc, giám sát, quản lý công trình; nhà quản lý; đường thi công kết hợp quản lý vận hành.

- Xây dựng hồ chứa nước Suối Chiếp có dung tích 17,18 triệu m³ nước, bao gồm: Đập chính; đập phụ; tràn xả lũ; cống lấy nước; hệ thống kênh tưới; hệ thống điện thi công, vận hành và chiếu sáng; hệ thống quan trắc, giám sát, quản lý công

trình; nhà quản lý; đường thi công kết hợp quản lý vận hành; đường hoàn trả lại đường bị ngập trong lòng hồ.

10. Phương án thiết kế cơ sở (phương án chọn)

10.1. Hồ Suối Lớn

- Đập ngăn sông: đập trọng lực bê tông và bê tông cốt thép trên nền đá. Cao trình đỉnh tường chắn sóng +130,0m, cao trình đỉnh đập +128,8m, chiều dài đập 120m (kể cả tràn xả lũ), chiều cao đập lớn nhất $H_{dmax} = 24,8m$. Gia cố và chống thấm nền bằng khoan phụt xi măng.

- Tràn xả lũ: nằm giữa đập vị trí lòng sông, hình thức tràn tự do, kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép. Cao trình ngưỡng tràn +126,0m, bề rộng tràn $B = 40,0m$.

- Cống xả cát: cống hộp bằng bê tông cốt thép, kích thước $(B \times H) = (2,0 \times 2,0)m$. Cao trình ngưỡng cống +110,0m.

- Cống lấy nước vào kênh tưới: cống tròn chảy có áp, đường kính $D=0,6m$, kết cấu bằng ống thép bọc bê tông cốt thép. Lưu lượng thiết kế $Q = 0,2m^3/s$. Cao trình ngưỡng cống +118,0m.

- Cống lấy nước vào kênh chuyển nước qua hồ Suối Chiếp: cống hộp kết cấu bằng bê tông cốt thép, kích thước $(B \times H) = (1,6 \times 1,6)m$. Lưu lượng thiết kế $Q = 2,0m^3/s$. Cao trình ngưỡng cống +122,0m.

- Kênh chuyển nước từ hồ Suối Lớn qua hồ Suối Chiếp: kênh hộp bằng bê tông cốt thép, kích thước $(B \times H) = (1,6 \times 1,5)m$. Chiều dài kênh 1,263km. Lưu lượng thiết kế đầu kênh $Q = 2,0m^3/s$.

- Hệ thống kênh tưới: chiều dài 14,46km bằng ống HDPE chảy có áp. Lưu lượng thiết kế đầu kênh chính $Q = 0,187m^3/s$, cấp nước tưới cho 280ha đất canh tác và cấp nước sinh hoạt, công nghiệp $3.000m^3/ngày\ đêm$.

- Nhà quản lý: xây dựng nhà quản lý vận hành diện tích $20m^2$.

- Đường thi công kết hợp quản lý vận hành: chiều dài 650m, đường giao thông nông thôn cấp B, gia cố mặt đường bằng bê tông.

- Hệ thống điện:

+ Xây dựng trạm biến áp 160kVA và trạm biến áp 50kVA tại cụm công trình đầu mối để cấp điện thi công và quản lý vận hành.

+ Cải tạo tuyến điện 22kV hiện có dài 5,59km; xây dựng tuyến điện 22kV, tuyến điện 0,4kV để cấp điện thi công, quản lý vận hành và hệ thống điện chiếu sáng cho cụm công trình đầu mối.

- Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát, quản lý công trình.

10.2. Hồ Suối Chiếp

- Đập chính: đập trọng lực bê tông và bê tông cốt thép trên nền đá. Cao trình đỉnh tường chắn sóng +123,0m, cao trình đỉnh đập +121,8m, chiều dài đập 290,0m (kể cả tràn xả lũ), chiều cao đập lớn nhất $H_{dmax} = 45,0m$. Gia cố và chống thấm nền bằng khoan phụt xi măng.

- Đập phụ: nằm bên vai trái đập chính. Đập đất 02 khối, tiêu nước bằng ống khối kết hợp đóng đá. Cao trình đỉnh đập +123,0m, chiều dài đập 160,0m, chiều cao đập lớn nhất $H_{\text{đmax}} = 14,0\text{m}$. Chống thấm qua nền bằng chân khay kết hợp khoan phụt xi măng.

- Tràn xả lũ: nằm giữa đập vị trí lòng sông, hình thức tràn có cửa kết hợp tràn tự do, kết cấu bằng bê tông và bê tông cốt thép. Tràn có cửa gồm 02 khoang, kích thước mỗi khoang (BxH) = (5x4)m, cửa van phẳng đóng mở bằng tời điện, cao trình ngưỡng tràn +116,0m. Tràn tự do bề rộng tràn B = 15,0m, cao trình ngưỡng tràn +120,0m.

- Cống lấy nước: cống tròn chảy có áp, đường kính D = 1,2m, kết cấu bằng ống thép bọc bê tông cốt thép. Lưu lượng thiết kế Q = 2,0m³/s. Cao trình ngưỡng cống +93,0m. Hạ lưu cống bố trí 02 nhánh kênh ống (trước van cống); 01 nhánh cấp nước tưới cho khu tưới hạ lưu hồ và 01 nhánh cấp nước để duy trì dòng chảy trong sông ở hạ lưu.

- Hệ thống kênh tưới: chiều dài 2,89km bằng ống HDPE chảy có áp. Lưu lượng thiết kế đầu kênh chính Q = 0,126m³/s, cấp nước tưới cho 180ha đất canh tác và cấp nước sinh hoạt, công nghiệp 100m³/nd.

- Nhà quản lý: xây dựng nhà quản lý vận hành diện tích 190m².

- Đường thi công kết hợp quản lý vận hành: chiều dài 580m, đường giao thông nông thôn cấp B, gia cố mặt đường bằng bê tông.

- Đường hoàn trả lại đường bị ngập trong lòng hồ: chiều dài 2,90km, đường giao thông cấp VI miền núi, gia cố mặt đường bằng bê tông.

- Hệ thống điện:

+ Xây dựng trạm biến áp 560kVA và trạm biến áp 160 kVA tại cụm công trình đầu mối để cấp điện thi công và quản lý vận hành.

+ Xây dựng tuyến điện 22kV, tuyến điện 0,4kV để cấp điện thi công, quản lý vận hành và hệ thống điện chiếu sáng cho cụm công trình đầu mối.

- Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát, quản lý công trình.

10.3. Mô hình thông tin công trình (BIM): thể hiện các phương án thiết kế chi tiết trên mô hình 3D và các thông tin thiết kế công trình.

10.4. Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình: chi tiết xem Phụ lục kèm theo.

11. Số bước thiết kế, danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

11.1. Số bước thiết kế: thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- QCVN 04-05/2022/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai. Phần 1: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- QCVN QTĐ-5:2009/BCT, QCVN QTĐ-6:2009/BCT, QCVN QTĐ-2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kỹ thuật điện;
- TCVN 12845:2020: Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- TCVN 10778:2015: Hồ chứa - Xác định các mực nước đặc trưng;
- TCVN 8304:2009: Công tác thủy văn trong hệ thống thủy lợi;
- TCVN 13615:2022: Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế;
- TCVN 8421:2010: Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu;
- TCVN 8216:2018: Công trình thủy lợi - Thiết kế đập đất đầm nén;
- TCVN 9137:2023: Công trình thủy lợi - Đập bê tông và bê tông cốt thép
- Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4253:2022: Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 8645:2019: Công trình thủy lợi - Thiết kế, thi công và nghiệm thu khoan phụt vữa xi măng vào nền đá;
- TCVN 9151:2012: Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực công dưới sâu;
- TCVN 9147:2012: Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- TCVN 8422:2010: Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;
- TCVN 9152:2012: Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi;
- TCVN 8218:2009: Bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 1651-2018: Thép cốt bê tông;
- TCVN 4116:2023: Công trình thủy lợi - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 9160:2012: Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế - Dẫn dòng trong xây dựng;
- TCVN 4118:2021: Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 9145:2012: Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán đường ống dẫn bằng thép;
- TCVN 13807:2023: Công trình thủy lợi - Đường ống dẫn nước bằng thép
- Thiết kế, chế tạo, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8298:2009: Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép;

- TCVN 8299:2009: Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế cửa van, khe van bằng thép;
- TCVN 8215:2021: Công trình thủy lợi - Thiết bị quan trắc;
- TCVN 13998:2024: Công trình thủy lợi - Hướng dẫn lập quy trình vận hành hồ chứa nước;
- TCVN 8414:2010: Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước;
- TCVN 8213:2009: Tính toán và đánh giá hiệu quả kinh tế dự án thủy lợi phục vụ tưới, tiêu;
- TCVN 10380:2014: Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 4050:2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 8477:2018: Công trình thủy lợi - Thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- TCVN 8478:2018: Công trình thủy lợi - Thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành hiện hành.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng: 695.000.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC	:	86.540.000.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	434.489.641.000	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	20.103.213.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	6.761.989.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	36.781.089.000	đồng;
- Chi phí khác	:	46.920.642.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	63.403.426.000	đồng.

13. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2026 - 2029.

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

Nguồn vốn đầu tư và bố trí kế hoạch vốn thực hiện theo Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án Hồ chứa nước Suối Lớn – Suối Chiếp, huyện Vân Canh, cụ thể như sau:

- Nguồn vốn thực hiện dự án: vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030.

- Khả năng cân đối các nguồn vốn:

- + Năm 2025 bố trí kinh phí thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

+ Giai đoạn 2026 - 2030 bố trí kinh phí thực hiện và hoàn thành dự án theo quy định.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai là ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành làm chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư của dự án được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

17. Các nội dung khác

17.1. Đơn vị quản lý, vận hành công trình

- Giao Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định tiếp nhận quản lý, vận hành các hạng mục công trình đầu mối, hệ thống điện quản lý vận hành và chiếu sáng, tuyến kênh chính, kênh chuyên nước, đường quản lý vận hành vào công trình.

- Giao địa phương nơi xây dựng công trình tiếp nhận quản lý, vận hành các hạng mục hoàn trả, các tuyến kênh nội đồng.

- Giao ngành điện tiếp nhận quản lý, vận hành hệ thống điện ngoài công trình.

17.2. Diện tích đất sử dụng: khoảng 177,0ha (trong đó: diện tích chiếm đất vĩnh viễn 170,0ha; diện tích chiếm đất tạm thời 7,0ha).

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực XV, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh; Chủ tịch UBND xã Vân Canh; Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình Thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, N6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đương Mah Tiệp

Phụ lục
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÔNG TRÌNH
Dự án: Hồ chứa nước Suối Lớn – Suối Chiếp, huyện Vân Canh
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Hồ Suối Lớn	Hồ Suối Chiếp
I	Cấp công trình, tiêu chuẩn thiết kế				
1	Cấp công trình đầu mối		cấp	III	II
2	Cấp công trình hệ thống kênh		cấp	IV	IV
3	Mức đảm bảo tưới	P	%	85,0	85,0
4	Mức đảm bảo cấp nước công nghiệp, sinh hoạt	P	%	90,0	90,0
5	Tần suất lũ kiểm tra	P	%	0,5	0,2
6	Tần suất lũ thiết kế	P	%	1,5	1,0
7	Tần suất thiết kế dẫn dòng/chặn dòng	P	%	10/0	10/5
II	Thủy văn				
1	Diện tích lưu vực		km ²	18,0	19,20
2	Lưu lượng bình quân nhiều năm	Q _o	m ³ /s	0,794	0,642
3	Tổng lượng bình quân nhiều năm	W _o	10 ⁶ m ³	25,03	20,25
4	Lưu lượng năm thiết kế P=85%	Q _{85%}	m ³ /s	0,557	0,45
5	Tổng lượng năm thiết kế P=85%	W _{85%}	10 ⁶ m ³	17,57	14,14
6	Lưu lượng lũ thiết kế	Q _p	10 ⁶ m ³	351	434
7	Lưu lượng lũ kiểm tra	Q _p	10 ⁶ m ³	428	569
III	Hồ chứa				
1	Mực nước lớn nhất kiểm tra	MNLKT	m	129,22	121,93
2	Mực nước lớn nhất thiết kế	MNLTK	m	128,83	121,25
3	Mực nước dâng bình thường	MNDBT	m	126,0	120,0
4	Mực nước chết	MNC	m	119,0	95,0
5	Dung tích hồ chứa	V _{hc}	10 ⁶ m ³	0,46	17,18
6	Dung tích hữu ích	V _{hi}	10 ⁶ m ³	0,34	16,81
7	Dung tích chết	V _c	10 ⁶ m ³	0,12	0,37

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Hồ Suối Lớn	Hồ Suối Chiép
8	Chế độ điều tiết hồ			ngày	nhiều năm
9	Hệ số sử dụng dòng chảy	α		0,18	0,70
10	Hệ số dung tích hồ	β		0,015	0,432
11	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT		ha	7,09	125,01
IV	Đập ngăn sông				
IV.1	Đập chính				
1	Cấp công trình đập			Cấp III	Cấp II
2	Hình thức đập			Đập trọng lực trên nền đá	Đập trọng lực trên nền đá
3	Cao trình đỉnh tường chắn sóng	∇_{TCS}	m	130,0	123,0
4	Cao trình đỉnh đập	∇_d	m	128,8	121,8
5	Chiều rộng đỉnh đập	B_d	m	5,0	6,0
6	Chiều cao đập lớn nhất	H_{dmax}	m	24,8	45,0
7	Chiều dài đỉnh đập (cả tràn xả lũ)	L_d	m	120,0	290,0
8	Hệ số mái thượng/hạ lưu			0/0,75	0/0,75
9	Kết cấu đập			Bê tông và bê tông cốt thép	Bê tông và bê tông cốt thép
10	Gia cố nền			Khoan phụt xi măng	Khoan phụt xi măng
11	Chống thấm nền			Màng khoan phụt xi măng	Màng khoan phụt xi măng
IV.2	Đập phụ				
1	Vị trí				Bên trái đập chính
2	Hình thức đập				Đập đất
3	Kết cấu đập				Đập 02 khối
4	Hình thức tiêu nước				Ống khói + đồng đá tiêu nước
5	Chiều dài đập		m		160,0
6	Chiều cao đập lớn nhất H_{dmax}		m		14,0
7	Cao trình đỉnh đập		m		123,0
8	Bề rộng mặt đập		m		6,0

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Hồ Suối Lớn	Hồ Suối Chiép
9	Hệ số mái thượng/hạ lưu		m		2,75; 3,25/2,5
10	Chống thấm nền				Chân khay kết hợp màng khoan phụt xi măng
V	Tràn xả lũ				
1	Hình thức tràn			Tràn tự do	Tràn có cửa kết hợp tràn tự do
2	Số khoang tràn có cửa/khoang tràn tự do		khoang	0/01	02/01
3	Chiều rộng khoang tràn có cửa	$n \times (B \times H)$	m		2x(5,0x4,0)
4	Chiều rộng khoang tràn tự do		m	40,0	15,0
5	Cao trình ngưỡng tràn có cửa		m		116,0
6	Cao trình ngưỡng tràn tự do		m	126,0	120,0
7	Lưu lượng xả lũ thiết kế	Q_{tk}	m ³ /s	351	263
8	Lưu lượng xả lũ kiểm tra	Q_{kt}	m ³ /s	428	344
9	Kết cấu			Bê tông và bê tông cốt thép	Bê tông và bê tông cốt thép
10	Tiêu năng hạ lưu			Tiêu năng mặt, mũi phun	Tiêu năng mặt, mũi phun
11	Thiết bị đóng mở cửa van				Tời điện
VI	Cống lấy nước				
VI.1	Cống tưới, cấp nước				
1	Hình thức			Cống tròn, ống thép bọc bê tông cốt thép, chảy có áp	Cống tròn, ống thép bọc bê tông cốt thép, chảy có áp
2	Cao trình ngưỡng cống	∇_{nc}	m	118,0	93,0
3	Lưu lượng thiết kế	Q_c	m ³ /s	0,20	2,0
4	Đường kính cống	D	m	0,60	1,20
5	Van điều tiết			Van hạ lưu	Van hạ lưu
VI.2	Cống lấy nước vào kênh chuyển nước				

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Hồ Suối Lớn	Hồ Suối Chiếp
1	Hình thức			Cống hộp bê tông cốt thép, chảy không áp	
2	Cao trình ngưỡng cống	∇_{nc}	m	122,0	
3	Lưu lượng thiết kế	Q_c	m ³ /s	2,0	
4	Khẩu diện cống	(BxH)	m	(1,6x1,6)	
5	Van điều tiết			Van phẳng hạ lưu	
VII	Cống xả cát				
1	Hình thức			Cống hộp bê tông cốt thép	
2	Cao trình ngưỡng cống	∇_{nc}	m	110,0	
3	Khẩu diện cống	(BxH)	m	(2,0x2,0)	
4	Van điều tiết			Van phẳng thượng lưu	
VIII	Kênh chuyển nước				
1	Hình thức			Kênh hộp bê tông cốt thép, chảy không áp	
2	Chiều dài kênh		km	1,263	
3	Lưu lượng thiết kế		m ³ /s	2,0	
4	Khẩu diện kênh	(BxH)	m	(1,6x1,5)	
5	Độ dốc	i		0,001	
IX	Đường hoàn trả lại đường bị ngập trong lòng hồ				
1	Cấp đường (theo TCVN 4054:2005)				Cấp VI miền núi
2	Chiều dài đường		km		2,90
3	Số làn xe chạy		làn		01
4	Tốc độ thiết kế		km/h		20
5	Bề rộng nền đường cả lề		m		6,0
6	Bề rộng mặt đường gia cố bê tông		m		3,50
7	Kết cấu gia cố mặt đường				Bê tông M250

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Hồ Suối Lớn	Hồ Suối Chiép
X	Công trình quản lý vận hành				
X.1	Khu quản lý, nhà quản lý				
1	Diện tích xây dựng nhà quản lý		m ²	20,0	190,0
2	Quy mô nhà (TT 06/2021/TT-BXD)			Cấp IV	Cấp III
3	Kết cấu nhà			Khung bê tông cốt thép, tường gạch	Khung bê tông cốt thép, tường gạch
X.2	Đường thi công kết hợp quản lý vận hành				
1	Cấp đường theo TCVN 10380:2014			GTNT cấp B	GTNT cấp B
2	Tổng chiều dài		km	0,65	0,58
3	Bề rộng nền đường cả lề		m	5,0	5,0
4	Bề rộng mặt đường gia cố bê tông		m	3,50	3,50
5	Kết cấu gia cố mặt đường			Bê tông M250	Bê tông M250
X.3	Hệ thống điện thi công, quản lý vận hành, chiếu sáng				
1	Cải tạo đường dây 22 kV hiện hữu		km	5,59	
2	Đường dây 22 kV		km	0,64	4,85
3	Trạm biến áp cấp điện thi công		kVA	160	560
4	Trạm biến áp cấp điện QLVH		kVA	50	160 (tận dụng lại để quản lý, vận hành)
5	Hệ thống đường dây 0,4kV, chiếu sáng		HT	01	01
X.4	Hệ thống quan trắc, giám sát, quản lý công trình		HT	01	01
XI	Hệ thống kênh				
XI.1	Kênh chính				
1	Diện tích tưới		ha	280,0	180,0
2	Cấp nước sinh hoạt + công nghiệp		m ³ /nd	3.000,0	100,0

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Hồ Suối Lớn	Hồ Suối Chiép
3	Hình thức kênh			Kênh ống chảy có áp	Kênh ống chảy có áp
4	Kết cấu			Ống HDPE	Ống HDPE
5	Lưu lượng thiết kế đầu kênh		m ³ /s	0,187	0,126
6	Chiều dài kênh chính		km	7,0	1,64
7	Đường kính ống DN		mm	450 ÷ 280	450
8	Cấp áp lực ống HDPE		Bar	8	8
XI.2	Kênh cấp 1				
1	Hình thức kênh			Kênh ống chảy có áp	Kênh ống chảy có áp
2	Kết cấu			Ống HDPE	Ống HDPE
3	Tổng chiều dài		km	7,46	1,25
4	Đường kính ống DN		mm	280 ÷ 90	315 ÷ 280
5	Cấp áp lực ống HDPE		Bar	6 ÷ 10	8 ÷ 10
6	Lưu lượng thiết kế đầu kênh		m ³ /s	0,039 ÷ 0,003	0,046